

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/HNGĐ-ST.

Ngày 05-9-2022.

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hùng;

Bà Lê Thị Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Minh T, sinh năm 1991 – Có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Trần Hoàng A, sinh năm 1986 – Có mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố H H, phường A H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị Minh T trình bày:

Chị và anh A chung sống với nhau vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A H (nay là phường A H). Sau khi cưới, vợ chồng về sống chung với gia đình anh A tại khu phố H H, phường A H, chị mở nhóm trẻ gia đình, anh A phụ giúp cha mẹ buôn bán quán ăn sáng. Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc nhưng dần xảy ra mâu thuẫn từ năm 2021 do tính tình của vợ chồng không phù hợp với nhau, có nhiều mâu thuẫn về kinh tế gia đình, anh A không có công việc ổn định, không phụ giúp chị về kinh tế gia đình

mà thường đi chơi cùng bạn bè, cờ bạc gây nợ. Chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh A vẫn không thay đổi, cuộc sống vợ chồng căng thẳng, nặng nề nên vợ chồng đã tự ly thân từ tháng 11-2021. Đến tháng 6-2022, vợ chồng có gặp nhau, chị cũng định cho anh A cơ hội nhưng chị thấy anh A vẫn không thay đổi.

Nay chị yêu cầu được ly hôn anh A.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung. Hiện nay chị cũng không đang mang thai.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Hoàng A trình bày:

Anh xác định lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, thời gian ly thân là đúng. Quá trình chung sống giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chỉ thỉnh thoảng có mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Anh thừa nhận anh có chơi cờ bạc thiếu nợ, nhưng số nợ đó anh và cha mẹ anh tự trả, không ảnh hưởng đến chị T. Từ tháng 11-2021, chị T tự ý bỏ nhà đi, không thông báo gì cho anh và gia đình anh. Từ khi ly thân, anh có gọi điện thoại yêu cầu chị T quay về chung sống lại và anh có trực tiếp gặp chị T 02 lần nhưng chị T không đồng ý. Nay anh yêu cầu được đoàn tụ với chị T vì giữa vợ chồng không có mâu thuẫn và anh còn tình cảm với chị T. Hiện tại, anh đã có việc làm, có thu nhập ổn định nên sẽ giải quyết được vấn đề kinh tế gia đình.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Minh T đối với anh Trần Hoàng A.

Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh A tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A H (nay là phường A H) nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 11-2021 đến nay. Chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là về kinh tế gia đình, anh A không tìm việc làm có thu nhập ổn định mà thường đi chơi với bạn bè, cờ bạc gây nợ. Anh A cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng anh A lại thừa nhận thỉnh thoảng vợ chồng có mâu thuẫn về kinh tế và anh có chơi cờ bạc thiếu nợ. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh A yêu cầu đoàn tụ vì anh còn tình cảm với chị T. Qua xác minh tại địa phương nơi chị T và anh A chung sống cũng thể hiện chị T và anh A mâu thuẫn nhau do anh A chơi cờ bạc thiếu nợ. Từ khi ly thân, anh A đã nhiều lần đặt vấn đề đoàn tụ với chị T nhưng chị T không đồng ý. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị T và anh A trình bày không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chị T và anh A không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị T và anh A trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị T phải chịu án phí về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Minh T đối với anh Trần Hoàng A.

Chị Bùi Thị Minh T được ly hôn anh Trần Hoàng A.

2. Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Bùi Thị Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026477, ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị T, anh A biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường A H;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Linh Ngọc